

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2020

V/v: Ly hôn giữa chị O và anh P

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Chinh;
2. Ông Nguyễn Xuân Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lục Thị Kim O, sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn P, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ : Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2020, các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Lục Thị Kim O trình bày: Chị và anh Bùi Văn P được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh P ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh P, đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất

đồng quan điểm trong cuộc sống, chấm dứt quan hệ tình cảm và sống ly thân từ tháng 6/2018. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa chị và anh P có 01 con chung là Bùi Phương Thảo, sinh năm 2015 cháu hiện đang ở với chị, chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng. Hiện nay chị làm công nhân ở khu công nghiệp Đình Trám, thu nhập 8-9 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Bùi Văn P trình bày thống nhất với chị O về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau. Chị O đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 8/2016. Nay chị O xin ly hôn anh nhất trí ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh nhất trí giao con cho chị O nuôi dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, chị O chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, anh P đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 271, 272 và 273 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho chị O được ly hôn anh P.

Về con nuôi chung: Giao cho chị O trực tiếp nuôi con Bùi Phương Thảo, sinh năm 2015. Anh P có quyền thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng, về tài sản, công nợ các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Ngoài ra còn đề xuất giải quyết về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho các đương sự, anh P vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lục Thị Kim O và anh Bùi Văn P đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa chị O và anh P là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị O và anh P hạnh P được khoảng gần 02 năm, đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay chị O xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị tha thiết xin ly hôn. Anh P cũng xác nhận vợ chồng mâu thuẫn, chị O đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2016, vợ chồng đã sống ly thân và anh P cũng nhất trí ly hôn. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa chị O và anh P đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị O được ly hôn anh P.

[3] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa chị O và anh P có 01 con chung là Bùi Phương Thảo, sinh năm 2015 hiện đang ở với chị O, chị O đề nghị được nuôi con, có đủ điều kiện nuôi con và anh P cũng nhất trí giao con chung cho chị O nuôi dưỡng nên căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cháu Thảo cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị O không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lục Thị Kim O và anh Bùi Văn P.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Lục Thị Kim O trực tiếp nuôi con Bùi Phương Thảo, sinh năm 2015. Anh P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí: Chị O phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận chị O đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0004734 ngày 08/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

4. Báo cho đương sự có mặt biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã Đ, L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Thu Thủy

